

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tú Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hồng Quân**

2. Ông **Nguyễn Văn Bé**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Thi**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2022/TLST-HNGĐ, ngày 13/5/2022, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 01/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 11/8/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị Thanh H, sinh năm 1998, có đơn xin vắng mặt;

Cư trú tại: Ấp Là Ca B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Anh Sơn D, sinh năm 1995, có mặt;

Cư trú tại: Ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thạch Thị Thanh H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị H và anh Sơn D xác lập quan hệ hôn nhân vào tháng 01/2016, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/01/2016 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vợ chồng chị có 01 đứa con chung tên Sơn Khánh K, sinh ngày 04/3/2017, hiện đang sống chung với anh D.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Chị và anh D không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, chị và anh D đã cho nhau nhiều cơ hội nhưng không có kết quả như mong muốn. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyên đơn chị Thạch Thị Thanh H yêu cầu giải quyết: Cho chị được ly hôn với anh Sơn D; Về con chung Sơn Khánh K, sinh ngày 04/3/2017 chị H yêu cầu anh D giao cho chị nuôi dưỡng và anh D không phải cấp dưỡng nuôi chung; Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết. Chị H yêu cầu giải quyết vắng mặt chị.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Sơn D trình bày:

Anh Sơn D thống nhất với chị Thạch Thị Thanh H về thời gian xác lập quan hệ hôn nhân, thời gian đăng ký kết hôn, con chung, nợ chung như chị H trình bày nhưng hiện nay con chung anh đã giao chị H nuôi dưỡng.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Lúc mới cưới nhau, vợ chồng anh về sống bên nhà cha mẹ vợ. Thời gian đầu hai vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, cùng nhau lo làm ăn để lo cho gia đình và nuôi con ăn học, sau đó hai vợ chồng đã lên Thành Phố làm thuê để gửi tiền về lo cho con, khi lên Thành Phố làm mỗi người làm một nơi, anh đề nghị chị H về làm chung chỗ với anh để tiện việc sinh hoạt gia đình, chị H không đồng ý, từ đó phát sinh nhiều mâu thuẫn chủ yếu về chuyện tiền bạc vì chị H không bàn bạc với anh và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay. Anh đã về nhà cha mẹ ruột sống tại ấp G, xã N còn chị H thì vẫn tiếp tục ở lại làm trên Thành Phố. Thời gian sống ly thân khoảng 02 năm nay, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống, từ lúc Hòa giải viên mời lên hòa giải cho đến nay thì vợ anh cũng không cho anh cơ hội, điện thoại thì chặn cuộc gọi. Mặc dù vợ anh không cho anh cơ hội nhưng anh nhận thấy cuộc sống vợ chồng có cái vã và xảy ra mâu thuẫn cũng là chuyện thường trong cuộc sống. Anh còn thương chị H nên không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu được đoàn để về chung sống với nhau để nuôi con.

Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ anh được ly hôn với anh thì anh đồng ý con chung tên Sơn Khánh K, sinh ngày 04/3/2017 cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh thống nhất như chị H trình bày là không có và không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thạch Thị Thanh H và anh Sơn D thống nhất không có và không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị Thanh H yêu cầu được ly hôn nhưng anh Sơn D không đồng ý mà yêu cầu được đoàn tụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”. Bị đơn anh Sơn D cư trú tại ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên căn cứ vào khoản 1

Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Thạch Thị Thanh H có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt đúng theo quy định. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt chị H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị Thanh H và anh Sơn D kết hôn với nhau vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo quy định của pháp luật. Xét thấy hôn nhân của anh chị là hợp pháp, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên trong thời gian sống chung vợ chồng anh chị có những mâu thuẫn không thể giải quyết được dẫn đến việc chị H xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H xác định giữa chị và anh D không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, không còn khả năng hàn gắn, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, bỏ mặc nhau, ai muốn sống ra sao thì sống và anh chị đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Xét thấy, từ khi thụ lý cho đến nay, Tòa án đã tạo điều kiện để chị H, anh D hàn gắn đoàn tụ nhưng vợ chồng chị vẫn không tìm được tiếng nói chung, các bên cũng không có một động thái nào thể hiện sự hàn gắn để về cùng chung sống nuôi dạy con chung, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh D đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị Thạch Thị Thanh H được ly hôn với anh Sơn D.

[4] Về con chung: Chị Thạch Thị Thanh H yêu cầu anh Sơn D giao con chung tên Sơn Khánh K, sinh ngày 04/3/2017 cho chị H được nuôi dưỡng. Do con chung hiện nay đang sống chung với chị Thạch Thị Thanh H nên anh Sơn D cũng đồng ý cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Chị H không yêu cầu anh D có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thạch Thị Thanh H và anh Sơn D thống nhất khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Thanh H; Cho chị Thạch Thị Thanh H được ly hôn với anh Sơn D.

2. Về con chung: Anh Sơn D đồng ý cho chị Thạch Thị Thanh H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Sơn Khánh K, sinh ngày 04/3/2017. Anh Sơn D không phải cấp dưỡng do chị Thạch Thị Thanh H không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thạch Thị Thanh H và anh Sơn D thống nhất khai không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thạch Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009016, ngày 10/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Chị Thạch Thị Thanh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Sơn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- UBND xã N, H. C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tú Trinh

